

Bản án số: 418 /2019/DS-ST
Ngày 04-11-2019
V/v: Tranh chấp hợp
đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Xuân Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Cảnh
2. Bà Nguyễn Phước Trinh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Dương Anh Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh: không tham gia phiên Tòa.

Ngày 04 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 482/2018/TLST-DSST ngày 26 tháng 9 năm 2018 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 208/2019/QĐST-DS ngày 13 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 170/2019/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2019 giữa:

1. Nguyên đơn: Công ty Tài chính A; (gọi tắt là Công ty A);

Địa chỉ: Tầng B, Tòa nhà C, Số 54, đường Nguyễn Chí T, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Minh T - Chức vụ: Tổng giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị Phương T – Nhân viên thu hồi nợ pháp lý (Theo giấy ủy quyền số 366 ngày 19 tháng 8 năm 2019); Địa chỉ: Tầng D, Tòa nhà E - 46A Lê Trung N, phường 12, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

2. Bị đơn: Bà Phan Thị L, sinh năm: 1989; địa chỉ: Tổ 15, ấp 2, xã P, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 06/8/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Ngày 30/9/2017, bà Phan Thị L có ký hợp đồng tín dụng số 1000317090034553 với Công ty Tài chính A (gọi tắt là Công ty A), vay số tiền 31.650.000đ, với lãi suất: 2,92%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận tại

hợp đồng: Bà L có trách nhiệm thanh toán số tiền trong 36 tháng, mỗi tháng trả 1.444.000đ, trả vào ngày 30 hàng tháng, bắt đầu thanh toán từ ngày 30/7/2017.

Thực hiện hợp đồng, bà L đã nhận đủ tiền vay nhưng chưa thanh toán bất kỳ khoản nợ nào cho Công ty. Bà L đã nhiều lần hứa hẹn, trì hoãn và bất hợp tác với Công ty trong việc trả nợ.

Nay Công ty Tài chính A khởi kiện yêu cầu bà L thanh toán số tiền tổng cộng là 57.478.022đ (trong đó nợ gốc là: 31.650.000đ, lãi là: 25.828.022đ), yêu cầu trả một lần số tiền trên ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà L thanh toán số tiền nợ tổng cộng tính đến ngày 30/9/2019 là 53.830.320đ (trong đó tiền gốc là 31.650.000đ và tiền lãi là 22.180.320đ), yêu cầu trả một lần số tiền trên ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho yêu cầu của mình gồm: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (bản sao), Giấy ủy quyền, Giấy đề nghị vay vốn (bản sao), Phiếu thông tin khách hàng, Giấy xác nhận tình trạng khoản vay, Phiếu báo nợ, Bản kê quá trình thanh toán và Bản tính lãi, chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu (photo) của bà L.

Bị đơn bà Phan Thị L đã được Tòa án tổng đạt: Thông báo thụ lý; Thông báo mở phiên họp về việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập đến tham dự phiên tòa xét xử đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn có nơi cư trú tại xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

Bị đơn bà Phan Thị L đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt; Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà L.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà L thanh toán số tiền tổng cộng là 53.830.320đ (trong đó tiền gốc là 31.650.000đ và tiền lãi là: 22.180.320đ), yêu cầu trả một lần số tiền trên ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có cơ sở xác định: Ngày 30/9/2017, bà L có ký hợp đồng tín dụng để vay phía nguyên đơn số tiền 31.650.000đ, theo các nội dung thỏa thuận như phía nguyên đơn trình bày là đúng. Bà L đã nhận đủ tiền vay và chưa thanh toán cho nguyên đơn bất kỳ khoản nợ nào là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận. Tính đến ngày 30/9/2019, bà L còn

nợ nguyên đơn số tiền tổng cộng là 53.830.320đ (trong đó tiền gốc là 31.650.000đ và tiền lãi là: 22.180.320đ) là đúng.

Xét trong quá trình giải quyết vụ án, bà L vắng mặt mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ và cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến hay bất cứ tài liệu, chứng cứ chứng minh có L quan đến vụ kiện. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà L căn cứ theo các tài liệu chứng cứ mà phía nguyên đơn cung cấp và chứng cứ mà Tòa thu thập được theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự là có cơ sở.

Tại phiên Tòa hôm nay, phía nguyên đơn yêu cầu bà L phải trả tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án. Xét thấy đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích trên, căn cứ vào khoản 2 Điều 91, khoản 1 khoản 4 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận, cần buộc bà L trả cho nguyên đơn số tiền tổng cộng là 53.830.320đ (trong đó tiền gốc là 31.650.000đ và tiền lãi là: 22.180.320đ), phải trả tiền lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền, được xác định theo sự thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu tiền án phí theo quy định tại: Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 91, khoản 1 khoản 4 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng có hiệu lực ngày 01/01/2011;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Căn cứ Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của Công ty Tài chính A về việc yêu cầu bà Phan Thị L thanh toán cho Công ty số nợ tổng cộng là 53.830.320đ (trong đó tiền gốc là 31.650.000đ và tiền lãi là 22.180.320đ).

Buộc bà Phan Thị L có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Tài chính A số tiền là 53.830.320đ (trong đó tiền gốc là 31.650.000đ và tiền lãi là 22.180.320đ), trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Bà L có trách nhiệm trả lãi cho Công ty Tài chính A, với mức lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền được xác định theo sự thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả, kể từ ngày Công ty Tài chính A có đơn yêu cầu thi hành án.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Án phí dân sự sơ thẩm là 2.691.516đ (hai triệu sáu trăm chín mươi một nghìn năm trăm mười sáu đồng) buộc bà Phan Thị L phải nộp.

Hoàn trả lại cho Công ty Tài chính A số tiền tạm ứng án phí 1.066.644đ (một triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm bốn mươi bốn đồng) theo biên lai thu tiền số 0033446, ngày 26/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND huyện Củ Chi;
- CCTHADS huyện C, TP. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hà Thị Xuân Lan